

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 09/12/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RP1+RP2+P9+PVD2	7:25	15+7+0+0	0+0+0+0		0+7+8+6	0+0+0+0	
2		PVD1+RP2+GTCl+td5	9:25	6+13+3+ 1	0+0+0		0+16+3	0+0+0	dot xuất lay mau td5

TTBDSX

GHI CHÚ: ĐỔI CA CLO VÀ TDI NGÀY 10/12 CHUYỂN SANG NGÀY 11/12

FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/12/2018	TO: RP1 - RP2 - P9 - PVD2	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: Hạnh - MTHAO - HIẾU	ETA: 09:10
xanh-1			

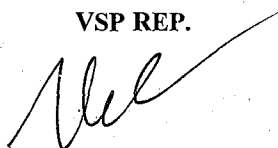
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DƯƠNG MINH HOANG	RP1	01	1	15		67	XAYLAP	Vietnamese
2	DƯƠNG SỸ CHIẾN	RP1	14	1	11		68	XAYLAP	Vietnamese
3	LÊ XUÂN LẬP	RP1	15	1	12		68	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN ĐÌNH TUẤN	RP1	09	1	5	15	66	XAYLAP	Vietnamese
5	NGÔ HỒNG THANH	RP1	04	1	11		61	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN QUANG CHUNG	RP1	02	1	10	9	57	XAYLAP	Vietnamese
7	ĐO VĂN TUYẾN	RP1	05-06	2	15		75	XAYLAP	Vietnamese
8	HỒ NGUYỄN HẬU	RP1	16-17	2	17	6	63	XAYLAP	Vietnamese
9	TRẦN KHA	RP1				21	70	XAYLAP	Vietnamese
10	BUI VĂN DŨNG	RP1				26	63	XAYLAP	Vietnamese
11	HA VĂN TRƯỞNG	RP1	07-08	2	12		52	XAYLAP	Vietnamese
12	DƯƠNG VĂN QUAN	RP1	12	1	8		66	XAYLAP	Vietnamese
13	TRẦN NGỌC DUY	RP1	13	1	7		66	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN XUÂN QUY	RP1	19-20	2	16		74	XAYLAP	Vietnamese
15	DƯƠNG ĐĂNG CƯỜNG	RP1	11	1	5		67	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN HỒNG YẾN	RP2	25	1	15		70	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN SỸ LỤC	RP2	29-30	2	17		75	XAYLAP	Vietnamese
18	PHAN VĂN ĐƯƠNG	RP2	26	1	12		62	XAYLAP	Vietnamese
19	TRẦN MINH HÙNG	RP2	24	1	15		66	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYỄN QUANG SÁNG	RP2	31	1	10		53	XAYLAP	Vietnamese
21	QUAN VĂN KHANH	RP2	32	1	11		70	XAYLAP	Vietnamese
22	TRẦN HỮU QUYNH	RP2	27-28	2	12		62	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP1	15	17	144	983	77	0		
2	RP2	7	9	92	458	0	7		
3	P9	0	0	0	0	0	8		
4	PVD2	0	0	0	0	30	7		
TOTAL		22	26	236	1.441	107	22		
WEIGHT KG				236	1.441	107			

GRAND TOAL: 1.784 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/12/2018	TO: PVD1 - RP2 - GTC1 - TD5	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:40
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: Hạnh - MTHAO - HIẾU	ETA: 11:20
CAM-2			

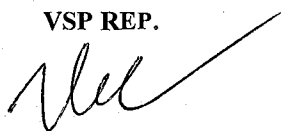
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN MINH PHUC	PVD1	98-99	2	15		68	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN VAN DUNG	PVD1	91-92	2	17		69	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN THANH VU	PVD1	19-20	2	15		70	KHOAN	Vietnamese
4	PHAM QUOC HUNG	PVD1	89-90	2	17		70	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN THE THANG	PVD1	41-42	2	18		58	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN NGOC THANH	PVD1	18	1	9		52	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN NGOC ANH	RP2	57-58	2	18		75	XAYLAP	Vietnamese
8	VU VAN BAN	RP2	53	1	12		60	XAYLAP	Vietnamese
9	TRAN VAN TRA	RP2	52	1	7		82	XAYLAP	Vietnamese
10	VU QUANG DUONG	RP2	43	1	10	17	65	XAYLAP	Vietnamese
11	LE DINH DO	RP2	33	1	10	15	78	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYEN THANH NAM	RP2	49-50	2	17		72	XAYLAP	Vietnamese
13	LE VAN HUNG	RP2	41-42	2	18		70	XAYLAP	Vietnamese
14	HUYNH KY MINH TUAN	RP2	39	1	10	18	75	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYEN QUANG TUAN	RP2	47-48	2	18		81	XAYLAP	Vietnamese
16	BUI VAN CHINH	RP2	51	1	12		65	XAYLAP	Vietnamese
17	TRAN HAU HAI	RP2	35-36	2	15		60	XAYLAP	Vietnamese
18	DINH VAN THIEN	RP2	45-46	2	14		58	XAYLAP	Vietnamese
19	LE THANH HIEU	GTC1	74	1	8		68	CODIEN	Vietnamese
20	BUI VAN MINH	GTC1	71-72	2	11		59	CODIEN	Vietnamese
21	VU VAN TINH	GTC1	73	1	6		72	CODIEN	Vietnamese
22	NGUYEN HUNG QUAN	TD5	88	1	8		71	D-HANH	Vietnamese

FLIGHT PLAN

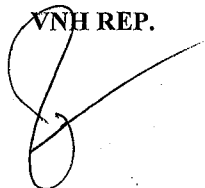
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD1	6	11	91	387	0	0		
2	RP2	12	18	161	841	50	17		
3	GTC1	3	4	25	199	0	3		
4	TD5	1	1	8	71	0	0		
TOTAL		22	34	285	1.498	50	20		
WEIGHT KG				285	1.498	50			

GRAND TOAL: 1.833 KGS

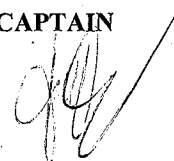
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐDTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 11/12/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		PVD2+P8+RP1	7:25	21+0+1	0+0+0		15+0+0	0+0+0	CHUYỂN 6 PAX TỪ P8-RP1
2		TD2+TD1	7:25	19+3	0+0		16+6	0+0	
3		RC5+PVD6+PVD1	7:25	4+18+0	0+0+0		0+14+8	0+0+0	
4		CLO+P7	7:25	18+4	0+0		13+9	0+0	
5		TD2+P5+P7	9:25	10+0+10	0+0+0		3+1+18	0+0+0	CHUYỂN 3 PAX TỪ P5-P7
6		TD1+BK5	9:25	20+2	0+0		20+2	0+0	
7		PVD2+CLO	9:25	15+7	0+0		11+11	0+0	
8		TTC3+PVD6	9:25	5+16	0+0		0+18	0+0	
9		RC3+P2+BK3	11:25	10+1+10	0+0+0		0+3+10	0+0+0	CHUYỂN 2 PAX TỪ P2-BK3
10		RP3+RP2+P1	11:25	3+9+10	0+0+0		1+5+11	0+0+0	

TTBDSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 11/12/2018	TO: PVD2 - P8 - RP1	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: TUYỀN - Khang - MQUÂN	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN BINH MINH	PVD2	17	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
2	NGHIEM VU DAT	PVD2	03-04	2	5		65	KHOAN	Vietnamese
3	PHAM VU TRUONG GIANG	PVD2	23-24	2	12		70	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN THAI HOA	PVD2	21	1	5		85	KHOAN	Vietnamese
5	TRAN NGOC THUY	PVD2	13	1	5		82	KHOAN	Vietnamese
6	DOI DUY DUONG	PVD2	18	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN VAN LUC	PVD2	09	1	5		55	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN VAN ANH	PVD2	06	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
9	TRAN VAN TRUNG	PVD2	15-16	2	10		62	KHOAN	Vietnamese
10	KHUONG VAN CHUC	PVD2	02	1	3		60	KHOAN	Vietnamese
11	HOANG NGOC QUAN	PVD2	11-12	2	12		75	KHOAN	Vietnamese
12	LE TIEN DUONG	PVD2	14	1	7		68	KHOAN	Vietnamese
13	PHAN DUC TIEN	PVD2	05	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
14	LE THANH BINH	PVD2					65	KHOAN	Vietnamese
15	HUYNH THANH TAM	PVD2	10	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
16	LY NHAT TRUONG	PVD2	19	1	12		78	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN QUOC HUNG	PVD2	20	1	8		80	KHOAN	Vietnamese
18	TRAN THE DANG	PVD2	07	1	7		80	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYEN DUY TIEN	PVD2	25-26	2	15		68	KHOAN	Vietnamese
20	LUONG VAN VINH	PVD2	08	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
21	VU HAI THANG	PVD2	22	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
22	NGUYEN THE NAM	RP1	23	1	7	38	55	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD2	21	25	141	1.490	0	15		CHUYEN 06 PAX TU P8 SANG RP1
2	P8	0	0	0	0	0	0	6	
3	RP1	1	1	7	55	38	0		
TOTAL		22	26	148	1.545	38	15		
WEIGHT KG				148	1.545	38			

GRAND TOAL: 1.731 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 11/12/2018	TO: TD2 - TD1	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:50
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: LHai - VTHU - THẢO	ETA: 09:30
TRANG-1A			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KHLEBNIKOV E.V	TD2	99	1	8		103	KHOAN	Russian
2	VU MẠNH THĂNG	TD2	45	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
3	TRẦN TRỌNG ANH	TD2	98	1	9		73	KHOAN	Vietnamese
4	DEMIN	TD2	200	1	9		103	KHOAN	Russian
5	LÊ VĂN LỢI	TD2	25	1	5	50	70	YTE	Vietnamese
6	SEVCHENKO	TD2	98	1	6		83	KHOAN	Russian
7	VÕ HỒNG DUNG	TD2	17,21	2	8		80	KHOAN	Vietnamese
8	LÊ QUỐC TOÀN	TD2	97	1	3		55	KHOAN	Vietnamese
9	BUI NGỌC DUNG	TD2	20	1	4		75	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN THANH ANH	TD2	22	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN THANH TUYEN	TD2	18	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
12	TRẦN ĐỨC DUC	TD2	19	1	5		58	KHOAN	Vietnamese
13	DO VAN HUNG	TD2	44	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
14	ĐỖ BA NAM	TD2	100	1	5		82	KHOAN	Vietnamese
15	NGO ĐOÀN ĐỨC	TD2	35	1	10		77	KHOAN	Vietnamese
16	MAI VĂN HOANG	TD2	93	1	3		55	KHOAN	Vietnamese
17	TRẦN HUNG HUNG	TD2	94-95	2	11		97	KHOAN	Vietnamese
18	VU THE HUNG	TD2	96	1	10		60	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN MINH TIEN	TD2	99	1	8		90	KHOAN	Vietnamese
20	KLIUZHEV R.V	TD1	01	1	8		115	KHOAN	Russian
21	LÊ TRỌNG LƯỢNG	TD1	02	1	3	65	68	KHOAN	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN QUY	TD1	03	1	7		65	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

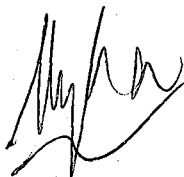
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	19	21	123	1.446	50	16		
2	TD1	3	3	18	248	65	6		
TOTAL		22	24	141	1.694	115	22		
WEIGHT KG				141	1.694	115			

GRAND TOAL: 1.950 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 11/12/2018	TO: RC5 - PVD6 - PVD1	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: Phong - Linh - Năm	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐẶNG TRỌNG BÀI	RC5	32	1	12	35	71	KH-THAC	Vietnamese
2	PHẠM TRUNG HIẾU	RC5	34	1	17		75	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM HỒNG PHONG	RC5	31	1	12		60	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN QUỐC TRI	RC5	33	1	10	62	70	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM VĂN HIẾU	PVD6	81	1	3	32	74	KHOAN	Vietnamese
6	PHẠM DE	PVD6	85	1	10		74	XAY LAP	Vietnamese
7	BELAEV	PVD6	78	1	10		86	KHOAN	Russian
8	NGUYỄN QUỐC KHÔI	PVD6	82	1	13		72	KHOAN	Vietnamese
9	ĐINH VĂN TÂM	PVD6	83	1	11		65	KHOAN	Vietnamese
10	DO CÔNG CHÍNH	PVD6	67	1	13		72	KHOAN	Vietnamese
11	VAN HOANG TUNG	PVD6	79	1	6		81	KHOAN	Vietnamese
12	PHẠM VĂN ĐỊNH	PVD6	80	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN MANH CUONG	PVD6	76	1	5		50	KHOAN	Vietnamese
14	VO XUAN TOAN	PVD6	72	1	7		81	KHOAN	Vietnamese
15	MAI MINH THAO	PVD6	71	1	6		79	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN DOAN SINH	PVD6	75	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
17	HUYNH TRONG PHUC	PVD6	77	1	7		60	KHOAN	Vietnamese
18	PHẠM PHU BÌNH	PVD6	69	1	4		62	KHOAN	Vietnamese
19	LE HỒNG PHONG	PVD6	74	1	10		76	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN QUANG TRUNG	PVD6	70	1	6		71	KHOAN	Vietnamese
21	HA TIEN DUAN	PVD6	73	1	10		63	KHOAN	Vietnamese
22	TRAN QUANG KHAI	PVD6	68	1	4		70	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC5	4	4	51	276	97	0		
2	PVD6	18	18	140	1.273	32	13		
3	PVD1	0	0	0	0	22	9		
TOTAL		22	22	191	1.549	151	22		
WEIGHT KG				191	1.549	151			

GRAND TOAL: 1.891 KGS

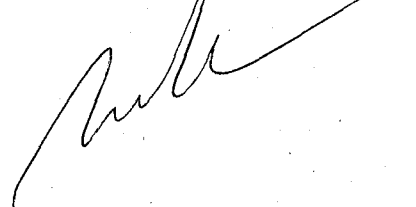
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/12/2018	TO: CLO - P7	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:40
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: HUNG - TTrung - Luy	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN KHOA	CLO	82	1	3		67	KHOAN	Vietnamese
2	VOROBIEV S.L	CLO	78	1	4		94	KHOAN	Russian
3	BUI ĐỨC LUÂN	CLO	79	1	7		77	KHOAN	Vietnamese
4	TRẦN TRUNG THANH	CLO	80	1	5		77	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN LỘC	CLO	81	1	7		73	KHOAN	Vietnamese
6	TRẦN HỮU SƠN	CLO	83	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
7	VŨ NGỌC LUÂN	CLO					87	KHOAN	Vietnamese
8	MAI VĂN HỘI	CLO					72	KHOAN	Vietnamese
9	CHU ĐỨC AI	CLO	84	1	3		77	KHOAN	Vietnamese
10	HOÀNG THÁI ANH	CLO	76	1	2		80	KHOAN	Vietnamese
11	TRẦN BUI QUANG	CLO	85	1	5		66	KHOAN	Vietnamese
12	NGHIÊM ĐÌNH TUÂN	CLO	91	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN HẠM HÀ	CLO	92	1	5		60	DVL	Vietnamese
14	ĐO TRỌNG HIỀN	CLO	90	1	12		70	DVL	Vietnamese
15	NGUYỄN BA HÙNG	CLO	89	1	7		77	DVL	Vietnamese
16	DƯƠNG ĐÌNH DŨNG	CLO	88	1	3		75	PSV	Vietnamese
17	MAI TỰ HẠI	CLO	86	1	3		65	PSV	Vietnamese
18	LƯU VĂN TRỌNG	CLO	87	1	3		57	PSV	Vietnamese
19	DAVUDOV D.S	P7	09	1	5	16	60	KHOAN	Russian
20	ĐO VĂN PHAN	P7	12	1	8		75	KHOAN	Vietnamese
21	VŨ CAO BĂNG	P7	13	1	5		85	KHOAN	Vietnamese
22	LE HUY TUYẾN	P7	10	1	6		55	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	18	16	81	1.304	0	13		
2	P7	4	4	24	275	16	9		
TOTAL		22	20	105	1.579	16	22		
WEIGHT KG				105	1.579	16			

GRAND TOAL: 1.700 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 11/12/2018	TO: TD2 - P5 - P7	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:30
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: TUYỀN - Khang - MQUÂN	ETA: 11:10
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM VĂN CHÂU	TD2	92	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
2	ZHDANOV	TD2	99	1	12		120	KHOAN	Russian
3	ĐOÀN VĂN KHUU	TD2	94	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
4	TRẦN TRỌNG TIỀN	TD2	700	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN HỮU LUÂN	TD2	98	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN TRỌNG HUE	TD2	97	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
7	BABUSHEV	TD2	44	1	10		90	ANTOAN	Russian
8	NGUYỄN VĂN THANH	TD2	93	1	5		80	DVL	Vietnamese
9	PHAN THANH TỊNH	TD2	96	1	14		70	DVL	Vietnamese
10	NGUYỄN MẠNH HÀ	TD2	90-91	2	10		72	NIPI	Vietnamese
11	NGUYỄN TUÂN ANH	TD2	95	1	5		62	DVL	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN HUY THAI	P7	04	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN HÒA	P7	07-08	2	10		75	KHOAN	Vietnamese
14	VU VĂN HOA	P7	11	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN TRỌNG DUNG	P7	09	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN NGÂN	P7	06	1	3		65	KHOAN	Vietnamese
17	PHẠM XUÂN HUY	P7	05	1	5	50	65	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN SĨ LONG	P7	03	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
19	PHẠM VĂN SƠN	P7	10	1	7		55	KHOAN	Vietnamese
20	ĐOÀN PHÚC HOÀNG	P7	12	1	10		75	DVL	Vietnamese
21	VU ĐÌNH QUANG	P7	13	1	10		72	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

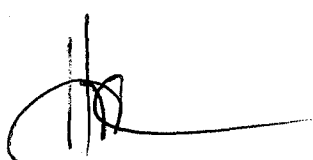
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	11	12	81	827	0	3		CHUYỂN 3 PAX P5 SANG P7
2	P5	0	0	0	0	0	1	3	
3	P7	10	11	65	689	50	18		
TOTAL		21	23	146	1.516	50	22		
WEIGHT KG				146	1.516	50			

GRAND TOAL: 1.712 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/12/2018	TO: TD1 - BK5	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:50
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: LHM - VTHU - THAO	ETA: 11:30
NAU-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRUONG HOANG KHANH	TD1	49	1	7		78	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN THANH THUY	TD1					65	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN DANH QUY	TD1					70	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN VAN TUAN	TD1	53	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
5	LE VAN HOAN	TD1	52	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
6	HOANG VAN DUY	TD1	55	1	3		62	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN TRONG THANG	TD1					50	KHOAN	Vietnamese
8	HUYNH HUU HUNG	TD1	50	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
9	BUI VAN LOI	TD1	44	1	10		75	KHOAN	Vietnamese
10	TRAN QUANG UT	TD1	42	1	8		70	SLB	Vietnamese
11	BUI TUAN THANH	TD1	46	1	6	13	55	PSV	Vietnamese
12	ĐANG VAN MINH	TD1					60	PSV	Vietnamese
13	ĐANG THE THANH	TD1					65	PSV	Vietnamese
14	NGUYEN ĐUC HUNG	TD1	47	1	3		75	PSV	Vietnamese
15	ĐOAN DINH TU	TD1	51	1	5		65	PSV	Vietnamese
16	NGUYEN TIEN SY	TD1	45	1	4		55	PSV	Vietnamese
17	LE XUAN TINH	TD1					90	PSV	Vietnamese
18	NGUYEN XUAN TAI	TD1	54	1	7		65	PSV	Vietnamese
19	DINH KHAC THACH	TD1					60	PSV	Vietnamese
20	NGUYEN BA HUNG	TD1	48	1	7		53	PSV	Vietnamese
21	NGUYEN TRAN VINH	BK5	66-67	2	15	69	61	XAYLAP	Vietnamese
22	VU TUAN ANH	BK5	65	1	5		77	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	20	13	73	1.325	13	20		
2	BK5	2	3	20	138	69	2		
TOTAL		22	16	93.	1.463	82	22		
WEIGHT KG				93	1.463	82			

GRAND TOAL: 1.638 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 11/12/2018	TO: PVD2 - CLO	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:35
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: Phong - Linh - Năm	ETA: 11:15
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN TÂN	PVD2	99,700	2	12	12	59	KHOAN	Vietnamese
2	TRẦN QUANG KÝ	PVD2	04	1	12		66	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN THANH HAI	PVD2					80	KHOAN	Vietnamese
4	BUI VĂN ANH	PVD2					82	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN CUÔNG	PVD2					79	KHOAN	Vietnamese
6	VU VĂN GIANG	PVD2					79	KHOAN	Vietnamese
7	ĐẶNG ĐỨC HÀ	PVD2					75	KHOAN	Vietnamese
8	VU ANH TUÂN	PVD2					72	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN DINH TIEN	PVD2	97	1	4		59	KHOAN	Vietnamese
10	TONG VAN DAT	PVD2	96	1	3		64	KHOAN	Vietnamese
11	PHAM VAN DUNG	PVD2	98	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
12	PHAM VAN TUONG	PVD2	01	1	9		79	KHOAN	Vietnamese
13	DƯƠNG THẾ ĐỨC	PVD2	02-03	2	20		71	KHOAN	Vietnamese
14	LUONG MANH HAI	PVD2	05	1	14		70	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN NGỌC BAO	PVD2	95	1	16		84	KHOAN	Vietnamese
16	HOÀNG HUU THỌ	CLO	26	1	5		75	PSV	Vietnamese
17	DƯƠNG VĂN THU	CLO	24	1	2		68	PSV	Vietnamese
18	LÊ VĂN HUNG	CLO	25	1	2		61	PSV	Vietnamese
19	PHAN MINH TUÂN	CLO	27	1	4		74	PSV	Vietnamese
20	PHAM MINH ĐỨC	CLO	28	1	5		85	PSV	Vietnamese
21	BUI CÔNG MINH	CLO	31-32	2	15		63	DMC	Vietnamese
22	NGUYỄN ĐỨC NGHĨA	CLO	29-30	2	20		75	DMC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD2	15	11	95	1.089	12	11		
2	CLO	7	9	53	501	0	11		
TOTAL		22	20	148	1.590	12	22		
WEIGHT KG				148	1.590	12			

GRAND TOAL: 1.750 KGS

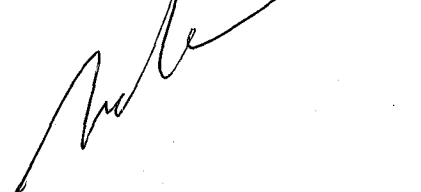
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 11/12/2018	TO: TTC3 - PVD6	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:40
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: HUNG - TTrung - Luy	ETA: 11:20
TRANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	GLYBOVSKI ANATOLI	TTC3	87	1	8		85	KH-THAC	Russian
2	VU DINH LOI	TTC3	90	1	8		56	KH-THAC	Vietnamese
3	TRAN NGUYENTRUNG THANH	TTC3	88	1	6	30	82	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN THE HOI	TTC3	91	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
5	TA TRUNG DUNG	TTC3	89	1	10		90	KH-THAC	Vietnamese
6	TRAN VAN VY	PVD6	50	1	6		60	KHOAN	Vietnamese
7	TRAN VAN TRINH	PVD6	53	1	6		82	KHOAN	Vietnamese
8	PHAM TRONG HUNG	PVD6	52	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
9	DO VAN QUAN	PVD6	54	1	8		67	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN HUNG CUONG	PVD6	44-45	2	10	15	78	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN GIA CUONG	PVD6	61-62	2	10		65	KHOAN	Vietnamese
12	DO VAN HIEU	PVD6	57	1	8		76	KHOAN	Vietnamese
13	BUI VAN NINH	PVD6					82	KH-THAC	Vietnamese
14	TONG TIEN QUANG	PVD6	48	1	12		77	DVL	Vietnamese
15	NGUYEN NGOC SON	PVD6	56	1	15		70	DVL	Vietnamese
16	HUYNH VU TINH	PVD6	55	1	10		68	DVL	Vietnamese
17	TRUONG QUYET THANG	PVD6	49	1	15		78	KHOAN	Vietnamese
18	ĐANG VAN THUONG	PVD6	51	1	10		60	XAYLAP	Vietnamese
19	DO VAN THAI	PVD6	47	1	15		72	DVL	Vietnamese
20	NGUYEN HUU TUYEN	PVD6	59-60	2	20	42	62	NHATHAU	Vietnamese
21	NGUYEN VAN TU	PVD6	58	1	10		58	NHATHAU	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC3	5	5	37	378	30	0		
2	PVD6	16	18	160	1.125	57	18		
TOTAL		21	23	197	1.503	87	18		
WEIGHT KG				197	1.503	87			

GRAND TOAL: 1.787 KGS

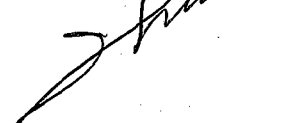
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 11/12/2018	TO: RC3 - P2 - BK3	AIRCRAFT: 846	ETD: 11:30
FLIGHT: 9	FROM: VT	CREW: VThắng - Khang - MQUÂN	ETA: 13:10
CAM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN PHÚC NGUYỄN	RC3	08-09	2	10		82	XAYLAP	Vietnamese
2	TRẦN HUY ANH	RC3	10-11	2	17		93	XAYLAP	Vietnamese
3	VŨ TRỌNG HOÈ	RC3	06-07	2	12		70	XAYLAP	Vietnamese
4	VŨ VĂN DUÂN	RC3	02	1	12	20	70	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN BỘ	RC3	03-04	2	17		76	XAYLAP	Vietnamese
6	PHI ĐỨC THỊNH	RC3	12	1	6		62	XAYLAP	Vietnamese
7	PHẠM VĂN TOÀN	RC3	01	1	10		72	XAYLAP	Vietnamese
8	VŨ QUỐC TUÂN	RC3	13	1	12		75	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN ANH KIẾT	RC3	14-15	2	17		70	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN MINH SANG	RC3	05	1	10		86	NIPI	Vietnamese
11	TRẦN HỮU CƯỜNG	P2	86	1	5		50	PSV	Vietnamese
12	PHẠM VĂN THUY	BK3	44	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN MINH THAI	BK3	41	1	10		75	XAYLAP	Vietnamese
14	PHÙNG QUANG ĐẠI	BK3	33-34	2	17		75	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN LỢI	BK3	45	1	12		66	XAYLAP	Vietnamese
16	HÀ TUÂN DŨNG	BK3	39-40	2	17	40	75	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN KHÁC QUANG	BK3	42-43	2	17		66	XAYLAP	Vietnamese
18	LE HỒNG CUONG	BK3	36-37	2	17		76	XAYLAP	Vietnamese
19	TRẦN QUỐC TOÀN	BK3	46	1	10		70	XAYLAP	Vietnamese
20	CÚ CHI CÔNG	BK3	38	1	15		70	XAYLAP	Vietnamese
21	PHAN TÀ ĐIỆP	BK3	35	1	5		60	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC3	10	15	123	756	20	0		CHUYEN 2 PAX P2 SANG BK3
2	P2	1	1	5	50	0	6	2	
3	BK3	10	14	130	713	40	4		
TOTAL		21	30	258	1.519	60	10		
WEIGHT KG				258	1.519	60			

GRAND TOAL: 1.837 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 11/12/2018	TO: RP3 - RP2 - P1	AIRCRAFT: 406	ETD: 11:35
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: Phong - MTHAO - Năm	ETA: 13:15
VANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LUƠNG THẾ HIỀN	RP3	75-76	2	10		63	NIPI	Vietnamese
2	HOÀNG PHI LONG	RP3	21	1	15		62	BA SON	Vietnamese
3	ĐÌNH VĂN HAI	RP3	22	1	10	20	60	BA SON	Vietnamese
4	MIRSAIAPOV	RP2	54	1	7		105	ANTOAN	Russian
5	TRẦN VIỆT HÙNG	RP2	56-57	2	20		78	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN ĐẠI HAI	RP2	58	1	12		70	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN QUỐC	RP2	61-62	2	17		70	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN TRANG	RP2	59-60	2	12		65	XAYLAP	Vietnamese
9	ĐÀO MINH HAI	RP2	55	1	17		70	XAYLAP	Vietnamese
10	VU VĂN KHA	RP2	67-68	2	19		65	XAYLAP	Vietnamese
11	ĐẶNG ANH TUẤN	RP2	63-64	2	19		50	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN ĐỨC HUY	RP2	65-66	2	15		59	XAYLAP	Vietnamese
13	HOÀNG BÁ THẮNG	P1	06	1	17	15	60	XAYLAP	Vietnamese
14	HOÀNG XUÂN KIẾN	P1	07	1	15		68	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN XUÂN ĐỨC	P1	08-09	2	14		80	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN KIM HÀ	P1	10-11	2	18		64	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN VIỆT MINH	P1	14-15	2	18		61	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN HÀ	P1	80-81	2	14		65	XAYLAP	Vietnamese
19	LÊ VĂN ĐỒNG	P1	12-13	2	18		59	XAYLAP	Vietnamese
20	TRẦN VĂN TOÀN	P1	02	1	10		57	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYỄN THẾ ANH	P1	03	1	10		82	XAYLAP	Vietnamese
22	NGÔ ĐÌNH NHẬT MINH	P1	04-05	2	18		78	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

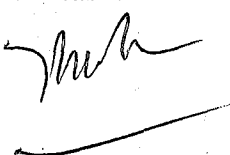
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	3	4	35	185	20	1		
2	RP2	9	15	138	632	0	5		
3	P1	10	16	152	674	15	11		
TOTAL		22	35	325	1,491	35	17		
WEIGHT KG				325	1,491	35			

GRAND TOAL: 1.851 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN

